

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Điều chỉnh theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTB-ĐTĐH, ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

**Trình độ đào tạo:** Đại học  
**Ngành đào tạo:** Giáo dục Mầm non  
**Mã ngành:** 7140201  
**Loại hình đào tạo:** Chính quy  
**Số tín chỉ:** 135

#### 1. Mục tiêu đào tạo

##### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo giáo viên mầm non trình độ đại học, có đủ năng lực dạy mầm non, có khả năng làm chuyên viên về lĩnh vực giáo dục mầm non của các phòng, sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, tổ chức nghiên cứu và tư vấn phát triển giáo dục và một số lĩnh vực khác, có khả năng tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, có khả năng liên thông ở các chương trình đào tạo sau đại học.

##### 1.2. Mục tiêu cụ thể

###### 1.2.1. Về kiến thức

- Đào tạo sinh viên về kiến thức giáo dục đại cương; kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (gồm: kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành) theo yêu cầu về trình độ kiến thức chuẩn của người giáo viên mầm non;

- Đào tạo sinh viên phương pháp giáo dục đáp ứng được yêu cầu về phương pháp giáo dục ở bậc mầm non: phương pháp để giảng dạy chương trình mầm non theo quan điểm tích hợp, phương pháp đánh giá sự phát triển của trẻ theo yêu cầu đổi mới cách đánh giá sự phát triển ở trẻ mầm non của ngành giáo dục; trang bị cho sinh viên những thông tin cập nhật về đổi mới giáo dục mầm non nhằm vận dụng vào thực tiễn chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non sau này;

- Đào tạo sinh viên đạt trình độ tiếng Anh A2 theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về Ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và đạt trình độ công nghệ thông tin theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT về chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

###### 1.2.2. Về kỹ năng

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch giáo dục, chăm sóc, đánh giá sự phát triển của trẻ, đánh giá việc thực hiện các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ trong dạy học mầm non; kỹ năng lập hồ sơ chuyên môn của người giáo viên mầm non;

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng đúng, linh hoạt, sáng tạo phương pháp dạy học và những thành tựu khoa học giáo dục mầm non mới vào tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non (gồm cả chăm sóc, giáo dục cho đối tượng đặc biệt như: trẻ là người dân tộc thiểu số, trẻ có những khả năng đặc biệt, trẻ khuyết tật, tàn tật theo hướng hoà nhập);

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng sáng tạo và đánh giá được việc vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm lý lứa tuổi vào thực tiễn chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non của đồng nghiệp;

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, nhóm trẻ; tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục trẻ cá biệt;

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm với trẻ, gia đình của trẻ, với đồng nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong cộng đồng.

###### 1.2.3. Về phẩm chất đạo đức

- Hình thành ở sinh viên tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý thức chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo

dục mầm non, có ý thức rèn luyện phẩm chất đạo đức của người công dân và người giáo viên, xây dựng một lối sống trung thực, lành mạnh, giản dị, đoàn kết;

- Hình thành ở sinh viên lòng yêu nghề dạy học, mến trẻ, có tinh thần trách nhiệm cao đối với việc chăm sóc, giáo dục trẻ, đối xử công bằng trên nền tảng tôn trọng trẻ và quyền trẻ em, gương mẫu trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ, có tinh thần phấn đấu trở thành nhà giáo mẫu mực.

#### **1.2.4. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Hình thành cho sinh viên năng lực độc lập, tự chủ trong tổ chức các hoạt động trau dồi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; năng lực phát hiện, giải quyết công việc một cách chủ động, linh hoạt, khoa học, hiệu quả, sáng tạo, phù hợp với yêu cầu về năng lực của một giáo viên mầm non;

- Hình thành cho sinh viên ý thức trách nhiệm tuân thủ nguyên tắc làm việc của đơn vị, hợp tác với đồng nghiệp, phối hợp với phụ huynh học sinh để nâng cao hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, có trách nhiệm vận động các lực lượng trong và ngoài nhà trường thực hiện xã hội hoá giáo dục.

### **2. Chuẩn đầu ra**

#### **2.1. Về kiến thức**

- Có trình độ kiến thức đáp ứng được yêu cầu về chuẩn kiến thức của người giáo viên mầm non: nắm vững mục tiêu dạy học, chương trình, nội dung chăm sóc, giáo dục trẻ ở bậc mầm non, có kiến thức để dạy tốt tất cả các lĩnh vực phát triển, các khối lớp ở bậc mầm non.

- Có phương pháp giáo dục đáp ứng được yêu cầu về phương pháp giáo dục ở bậc mầm non: có phương pháp để giảng dạy chương trình mầm non theo quan điểm tích hợp, có phương pháp đánh giá sự phát triển của trẻ theo yêu cầu đổi mới cách đánh giá sự phát triển ở trẻ mầm non của ngành giáo dục; cập nhật thường xuyên kiến thức về đổi mới giáo dục mầm non nhằm vận dụng vào thực tiễn chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non.

#### **2.2. Về kỹ năng**

- Có kỹ năng lập kế hoạch giáo dục, chăm sóc, đánh giá sự phát triển của trẻ, đánh giá việc thực hiện các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ trong dạy học mầm non; kỹ năng lập hồ sơ chuyên môn của người giáo viên mầm non;

- Có kỹ năng vận dụng đúng, linh hoạt, sáng tạo phương pháp dạy học và những thành tựu khoa học giáo dục mầm non mới vào tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non (gồm cả chăm sóc, giáo dục cho đối tượng đặc biệt như: trẻ là người dân tộc thiểu số, trẻ có khả năng đặc biệt, trẻ khuyết tật, tàn tật theo hướng hoà nhập);

- Có kỹ năng vận dụng sáng tạo và đánh giá được việc vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm lý lứa tuổi vào thực tiễn chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non của đồng nghiệp;

- Có kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, nhóm trẻ; tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục trẻ cá biệt;

- Có kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm với trẻ, gia đình học sinh, với đồng nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong cộng đồng.

#### **2.3. Về phẩm chất đạo đức**

- Có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý thức chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục mầm non, có ý thức rèn luyện phẩm chất đạo đức của người công dân và người giáo viên, xây dựng một lối sống trung thực, lành mạnh, giản dị, đoàn kết;

- Có lòng yêu nghề dạy học, mến trẻ, có tinh thần trách nhiệm cao đối với việc chăm sóc, giáo dục trẻ, đối xử công bằng trên nền tảng tôn trọng trẻ và quyền trẻ em, gương mẫu trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ, có tinh thần phấn đấu trở thành nhà giáo mẫu mực.

#### **2.4. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Có năng lực độc lập, tự chủ trong tổ chức các hoạt động trau dồi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; năng lực phát hiện, giải quyết công việc một cách chủ động, linh hoạt, khoa học, hiệu quả, sáng tạo, phù hợp với yêu cầu về năng lực của một giáo viên mầm non;

- Có ý thức trách nhiệm tuân thủ nguyên tắc làm việc của đơn vị, hợp tác với đồng nghiệp, phối hợp với phụ huynh học sinh để nâng cao hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, có trách nhiệm vận động các lực lượng trong và ngoài nhà trường thực hiện xã hội hoá giáo dục.

### 2.5. Về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên tại các trường mầm non;

- Chuyên viên về lĩnh vực giáo dục mầm non tại các phòng, sở giáo dục và đào tạo; các cơ quan, tổ chức nghiên cứu và tư vấn phát triển giáo dục mầm non và một số lĩnh vực khác.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 135 tín chỉ (*không tính phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*).

Kiến thức giáo dục đại cương: 27 tín chỉ

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 108 tín chỉ

Trong đó:

Kiến thức cơ sở ngành: 7 tín chỉ

Kiến thức ngành: 83 tín chỉ

Kiến thức nghiệp vụ sư phạm thực tập chuyên môn: 11 tín chỉ

Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần tương đương: 7 tín chỉ

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Theo quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy

### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Quy trình đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành.

**6. Thang điểm:** Thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

### 7. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại tiết tín chỉ			Tự học	Học phần tiên quyết
				Lên lớp		TS tiết (x hệ số)		
				LT	TH			
<b>7.1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>27</b>					
<b>Bắt buộc</b>			<b>25</b>					
1.	LNL0001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5	65	10	85	150	
2.	LTU0001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	25	5	35	60	LNL0001
3.	LDL0001	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	40	5	50	90	LTU0001
4.	LPL0001	Pháp luật đại cương	2	25	5	35	60	
5.	NTA0001	Tiếng Anh 1	5	75		75	150	
6.	NTA0002	Tiếng Anh 2	5	75		75	150	NTA0001
7.	TTH0002	Tin học cơ sở	3	30	15	60	90	
	GDT0001	Giáo dục Thể chất 1	1	5	10	25	30	
	GDT0002	Giáo dục Thể chất 2	2		30	60	60	GDT0001
	GDQ0001	Giáo dục quốc phòng						
	<b>Tự chọn 1</b>		<b>2</b>	SV chọn học 1 trong các học phần sau				
8.	MCB0077	Tiếng Việt thực hành	2	25	5	35	60	MCB0077
	MCB0093	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	25	5	35	60	
	SVH0001	Văn hóa Tây Bắc	2	27	3	33	60	

	TTH0003	Tin học nâng cao	2	20	10	40	60	
<b>7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>108</b>					
<b>7.2.1. Kiến thức cơ sở</b>			<b>7</b>					
<b>Bắt buộc</b>			<b>5</b>					
9.	QLN0001	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành GD & ĐT	2	28	2	32	60	
10.	MTG0018	Tâm lý học và Giáo dục học đại cương	3	45	0	45	90	
<b>Tự chọn 2</b>			<b>2</b>	SV chọn học 1 trong các học phần sau				
11.	MTG0009	Giao tiếp sư phạm	2	15	15	45	60	MTG0016
	KHH0001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24	6	36	60	
<b>7.2.2. Kiến thức ngành</b>			<b>83</b>					
<b>7.2.2.1. Kiến thức chung của ngành</b>			<b>40</b>					
<b>Bắt buộc</b>			<b>38</b>					
12.	MCB0030	Môi trường và con người	2	25	5	35	60	MTG0005
13.	MCB0098	Sinh lý học trẻ em	2	25	5	35	60	
14.	MTG0032	Tâm lý học trẻ em	3	30	15	60	90	MTG0018
15.	MTG0005	Giáo dục học Mầm non	4	35	25	85	120	MTG0032
16.	MCB0044	Tiếng Việt	5	65	10	85	150	MCB0044
17.	MCB0099	Toán cơ sở	2	25	5	35	60	
18.	MCB0100	Văn học	4	55	5	65	120	
19.	MMA0002	Âm nhạc 1	3	40	5	50	90	MMA0002
20.	MMA0003	Âm nhạc 2	2	20	10	40	60	MMA0003
21.	MMA0024	Đàn Organ	2	15	15	45	60	MMA0024
22.	MMA0014	Múa và vận động theo nhạc	3	30	15	60	90	MMA0014
23.	MMA0017	Mỹ thuật 1	3	30	15	60	90	MMA0017
24.	MMA0037	Mỹ thuật 2	3	20	25	70	90	MMA0017
<b>Tự chọn 3</b>			<b>2</b>					
25.	MCB0055	Xác suất thống kê	2	27	3	33	60	
	MCB0031	Mỹ học đại cương	2	25	5	35	60	
	MCB0029	Lí luận văn học	2	27	3	33	60	
<b>7.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành</b>			<b>43</b>					
<b>Bắt buộc</b>			<b>38</b>					
26.	MCB0054	Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em	4	50	10	70	120	MCB0098 MTG0005
27.	MMA0007	Đồ chơi	3	20	25	70	90	MMA0037
28.	MCB0034	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	25	5	35	60	MCB0054
29.	MTG0019	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ	3	25	20	65	90	MTG0005
30.	MTG0001	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	20	10	40	60	MTG0005
31.	MTG0004	Giáo dục hoà nhập	2	20	10	40	60	MTG0005

32.	MCB0026	Lí luận và phương pháp kể chuyện	3	40	5	50	90	MCB0100
33.	MCB0016	Lí luận và phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh	3	35	10	55	90	MCB0030 MTG0005
34.	MCB0024	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	2	20	10	40	60	MTG0005
35.	MMA0011	Lí luận và phương pháp giáo dục âm nhạc	3	30	15	60	90	MMA0036 MTG0005
36.	MCB0028	Lí luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ	3	37	8	53	90	MCB0044 MTG0005
37.	MCB0097	Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán	3	40	5	50	90	MCB0099 MTG0005
38.	MMA0038	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	2	20	10	40	60	MMA0037 MTG0005
39.	MCB0017	Lí luận và phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	40	5	50	90	MCB0100 MTG0005
		<b>Tự chọn 4</b>	<b>5</b>	<i>(sinh viên chọn các học phần sau để học tập với tổng số 5 tín chỉ)</i>				
40.	MTG0014	Quản lí giáo dục mầm non	2	20	10	40	60	MTG0005
	MCB0049	Toán và hoạt động khám phá khoa học	2	27	3	33	60	MCB0099 MTG0005
41.	MCB0002	Chuyên đề Giáo dục giới tính	3	40	5	50	90	MCB0098 MTG0005
	MCB0006	Chuyên đề Rèn kĩ năng đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	3	20	25	75	90	MCB0100
	MCB0032	Ngữ dụng học và phong cách học tiếng Việt	3	40	5	50	90	MCB0044
	MMA0006	Chuyên đề Phương pháp biên dạy múa cho trẻ	3	30	15	60	90	MMA0006
<b>7.2.3. NVSP và thực tập chuyên môn</b>			<b>11</b>					
42.	MTG0034	Rèn luyện NVSP TX 1	2	5	25	55	60	MTG0005
43.	MTG0035	Rèn luyện NVSP TX 2	2	0	30	60	60	MTG0034
44.	NVS0005	Thực tập sư phạm 1	2	0	30	60	60	MTG0005
45.	NVS0006	Thực tập sư phạm 2	5	0	75	150	150	
<b>7.2.4. Khóa luận hoặc các học phần tương đương</b>			<b>7</b>					
46.	KLT0001	Khóa luận	7					
		<b>Tự chọn 5</b>		<i>(SV không làm khóa luận chọn học 3 học phần với tổng số 7 tín chỉ)</i>				
46	NTA0003	Tiếng Anh 3	5	75		75	150	NTA0002
47	MMA0005	Chuyên đề Đồ chơi sân	2	10	20	50	60	MMA0007

48		khẩu						
	MCB0004	Chuyên đề Lịch sử trong giao tiếp tiếng Việt	2	27	3	33	60	MCB0044
	MTG0013	LL và phương pháp phát triển tính tích cực vận động cho trẻ	2	15	15	45	60	MCB0005
	MCB0033	Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi	3	37	8	53	90	MCB0028
	MCB0027	Lí luận và phương pháp kể sáng tạo truyện cổ tích	3	20	25	75	90	MCB0026
	MMA0021	Phân đệm nâng cao trên đàn Organ	3	30	15	60	90	MMA0039
	MTG0011	Lập kế hoạch và xây dựng môi trường giáo dục cho trẻ mầm non	3	25	20	65	90	MTG0005
		<b>Tổng cộng</b>	<b>150</b>					

## 8. Dự kiến kế hoạch đào tạo

### 8.1. Dự kiến kế hoạch đào tạo (4 năm)

Học kỳ	Tên học phần	Số đvtc	Số tiết chuẩn
<b>I</b>	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5	75
	Tiếng Anh 1	5	75
	Tâm lí học và giáo dục học đại cương	3	45
	Pháp luật đại cương	2	30
	Toán cơ sở	2	30
	Sinh lí học trẻ em	2	30
	Giáo dục quốc phòng		
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>19</b>	
<b>II</b>	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30
	Tiếng Anh 2	5	75
	Tin học cơ sở	3	45
	Tâm lí học trẻ em	3	45
	Mĩ thuật 1	3	45
	Tự chọn 1	2	30
	Giáo dục thể chất 1	1	
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>18</b>	
<b>III</b>	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45
	Tiếng Việt	5	75
	Giáo dục học mầm non	4	60
	Mĩ thuật 2	3	45
	Âm nhạc 1	3	45
	Giáo dục thể chất 2	2	
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>18</b>	
<b>IV</b>	Văn học	4	60

	Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em	4	60
	Môi trường và con người	2	30
	Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán	3	45
	Âm nhạc 2	2	30
	Tự chọn 2	2	30
	Lí luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ	3	45
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>20</b>	
<b>V</b>	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	30
	Lí luận và phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	45
	Lí luận và phương pháp giáo dục âm nhạc	3	45
	Giáo dục hoà nhập	2	30
	Lí luận và phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh	3	45
	Tự chọn 3	2	30
	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>17</b>	
<b>VI</b>	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ	3	45
	Đồ chơi	3	45
	Tự chọn 4	5	75
	Lí luận và phương pháp kể chuyện	3	45
	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	2	30
	Thực tập sư phạm 1	2	30
		<b>Số ĐVTC</b>	<b>18</b>
<b>VII</b>	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành GD&ĐT	2	30
	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	30
	Đàn Organ	2	30
	Múa và vận động theo nhạc	3	45
	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	2	30
	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	2	30
	Khoá luận (hoặc học các học phần tương đương)	7	105
		<b>Số ĐVTC</b>	<b>20</b>
<b>VIII</b>	Thực tập sư phạm 2	5	75
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>5</b>	

### 8.2. Dự kiến kế hoạch đào tạo (3 năm)

Học kỳ	Tên học phần	Số đvtc	Số tiết chuẩn
<b>I</b>	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5	75
	Tiếng Anh 1	5	75
	Tâm lí học và giáo dục học đại cương	3	45
	Pháp luật đại cương	2	30
	Toán cơ sở	2	30
	Sinh lí học trẻ em	2	30
	Giáo dục quốc phòng		
		<b>Số ĐVTC</b>	<b>19</b>
<b>II</b>	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30

	Tiếng Anh 2	5	75
	Tiếng Việt	5	75
	Tin học cơ sở	3	45
	Tâm lí học trẻ em	3	45
	Mĩ thuật 1	3	45
	Giáo dục thể chất 1	1	
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>21</b>	
<b>Kì phụ</b>	Giáo dục học mầm non	4	60
	Văn học	4	60
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>8</b>	
<b>III</b>	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45
	Lí luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ	3	45
	Tự chọn 1	2	30
	Tự chọn 2	2	30
	Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em	4	60
	Môi trường và con người	2	30
	Âm nhạc 1	3	45
	Mĩ thuật 2	3	45
	Giáo dục thể chất 2	2	
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>22</b>	
<b>IV</b>	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	30
	Âm nhạc 2	2	30
	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	2	30
	Lí luận và phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh	3	45
	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	2	30
	Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán	3	45
	Tự chọn 3	2	30
	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ	3	45
	Thực tập sư phạm 1	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>21</b>	
<b>Kì phụ</b>	Múa và vận động theo nhạc	3	45
	Tự chọn 4	5	75
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>8</b>	
<b>V</b>	Lí luận và phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	45
	Đồ chơi	3	45
	Lí luận và phương pháp kể chuyện	3	45
	Lí luận và phương pháp giáo dục âm nhạc	3	45
	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	2	30
	Khoá luận (hoặc học các học phần tương đương)	7	105
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>21</b>	
<b>VI</b>	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành GD&ĐT	2	30
	Giáo dục hoà nhập	2	30
	Đàn Organ	2	30



Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	30
Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	2	30
Thực tập sư phạm 2	5	75
<b>SỐ ĐVTC</b>	<b>15</b>	

### 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Quá trình thực hiện chương trình căn cứ vào quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, đồng thời căn cứ vào những quy định hiện hành của Trường Đại học Tây Bắc và Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện chương trình.

Đối với chương trình chi tiết của từng học phần, quá trình thực hiện có thể được đổi mới theo hướng đem lại hiệu quả cao trong đào tạo. Sự thay đổi này phải được thông qua Bộ môn, Khoa và được Ban Giám hiệu phê duyệt.

**9.1. Chương trình khung trình độ đại học, ngành Giáo dục Mầm non thuộc khối ngành sư phạm** được thiết kế theo hướng thuận lợi cho việc phát triển các chương trình cấu trúc kiểu đơn ngành. Danh mục các học phần (môn học) và khối lượng kiến thức của chương trình được đưa vào mục 7 là những quy định bắt buộc, dựa trên cơ sở mục tiêu, thời gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức quy định tại các mục 7.1 và mục 7.2, với tổng khối lượng kiến thức là 135 ĐVTC (không kể các nội dung về giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng).

#### 9.2. Phần kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

Kiến thức giáo dục đại cương được liệt kê ở mục 7.1. gồm 27 ĐVTC; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được liệt kê ở mục 7.2 là 108 ĐVTC. Đây là kiến thức cơ sở, có tính chất nền tảng chương trình đào tạo Cử nhân trình độ đại học Giáo dục Mầm non. Do đó, việc dạy và học mỗi học phần này cần được thực hiện tốt nhất để đảm bảo tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non ở trường Đại học Tây Bắc được đào tạo theo chương trình khung này.

#### 9.3. Phần kiến thức tự chọn

Được thiết kế theo hướng xây dựng các học phần có nội dung mở rộng, chuyên sâu hoặc nâng cao giúp sinh viên có thể lựa chọn theo năng khiếu hoặc sở trường để sau này ra trường phát huy được tại đơn vị công tác.

#### 9.4. Định hướng xây dựng chương trình đào tạo Cử nhân trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non

Chương trình biên soạn theo hướng sinh viên tăng cường tự học và tự nghiên cứu. Mỗi học phần chuyên ngành, chuyên sâu hạn chế không quá 5 ĐVTC, chủ yếu là 2 và 3 ĐVTC.

Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đáp ứng nhu cầu thực tiễn của các trường mầm non trong toàn quốc nói chung và vùng Tây Bắc nói riêng.

Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác nhận phù hợp với khuôn khổ mà Bộ GD-ĐT quy định cho một chương trình giáo dục đại học 4 năm. Chương trình đào tạo đảm bảo chuẩn kiến thức và kỹ năng của sinh viên sau khi tốt nghiệp và đáp ứng yêu cầu học tiếp lên trình độ thạc sĩ và tiến sĩ.

**TRƯỞNG KHOA**

(Đã ký)

**TS. Vũ Tiến Dũng**

**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký tên, đóng dấu)

(Đã ký)

**TS. Đinh Thanh Tâm**